

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2025/KDTMPT

Ngày: 29/7/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

Mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thu Hằng và ông Lê Trúc Lâm

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang, Thẩm tra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở B2 (số E L, phường T) mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2025/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2025/KDTM-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 11, tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐ-KDTM ngày 17/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1953; Địa chỉ: A L, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 132 L, T, Đắk Lắk). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Đặng Thế B, sinh năm 1966; Địa chỉ: khu phố B N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là KP B N, T, Đắk Lắk) Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1993; Địa chỉ: G N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 70 N, T, Đắk Lắk) Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1977 và bà Lê Thị L, sinh năm 1979; Địa chỉ: D Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 44 Đoàn Thị Diễm T, Đắk Lắk) Có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q và bà L: ông Phạm Việt T1 – luật sư công ty L1 chi nhánh thành phố H thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngô Thị B1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: C N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 03A/21 Nguyễn Công T2, T, Đắc Lắc)

+ Ông Đinh Hoàng V, sinh năm: 1968; Địa chỉ: C N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 03A/21 Nguyễn Công T2, T, Đắc Lắc) .Đều vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Thạch .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đặng Thế B và bà Nguyễn Thị Diễm M thống nhất cùng trình bày: Từ năm 2008, giữa bà T và vợ chồng ông Q, bà L có mối quan hệ làm ăn mua bán các loại đường tinh luyện, đường phèn, hạt dưa với nhau. Hai bên không có lập hợp đồng mua bán cũng như về số lượng hàng hóa giao và giá thành hàng hóa mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, phương thức nhận hàng trước và trả tiền (theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán) theo từng ngày nhận hàng tức cho nợ gởi đầu. Thời gian từ ngày 21/01/2015 âm lịch (tức ngày 11/03/2015 dương lịch) đến ngày 23/12/2015 âm lịch (tức ngày 01/02/2016 dương lịch), bên bà T đã giao tổng cộng 1.149 tấn đường tinh luyện, 1.270 thùng đường phèn, 500 ký hạt dưa với tổng số tiền 16.885.610.000 đồng. Từ ngày 21/01/2015 âm lịch (tức ngày 11/03/2015 dương lịch) đến ngày 23/12/2015 âm lịch (tức ngày 01/02/2016 dương lịch) ông Q và bà L đã trả được tổng cộng 15.130.000.000 đồng còn nợ lại 1.755.610.000 đồng. Từ đó cho đến nay, hai bên không gặp nhau để xác nhận công nợ nhưng không nhớ thời gian nào bà T có đến gặp vợ chồng ông Q và bà L yêu cầu trả nợ, việc này không có người làm chứng, chỉ nói miệng với nhau nên không có chứng cứ nào cung cấp cho Tòa. Vì cho nợ gởi đầu nên trong năm 2017 bà T tiếp tục giao nhận hàng như đã thỏa thuận của hai bên và hai bên cũng không làm hợp đồng mua bán. Nay bà T yêu cầu ông Q, bà L phải trả 01 lần số tiền còn nợ lại là 1.755.610.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Xuân Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q và bà L - ông Phạm Việt T1 thống nhất cùng trình bày: Trong năm 2015, giữa vợ chồng ông Q, bà L và bà T có mua bán hàng hóa là đường phèn, đường tinh luyện, hạt dưa với nhau. Hai bên không lập hợp đồng mua bán hàng hóa và không thỏa thuận về số lượng, giá cả hàng hóa và thời hạn thanh toán mà chỉ thỏa thuận bằng miệng bên ông Q, bà L mua hàng thì bên bà T giao hàng, khi giao hàng xong thì hai bên tính tiền và giao tiền luôn, có khi 01

đến 02 ngày sau trả tiền. Việc mua bán này diễn ra thường xuyên, bên giao hàng và bên trả tiền hàng ngay chứ bà T không cho nợ mang sang. Bản thân vợ chồng tôi trực tiếp trả tiền cho bà T, hai bên không có lập biên bản giao nhận tiền, vì mọi lần khi giao tiền cho bà T, bà T có ghi trả xong vào sổ theo dõi của bà T. Sau năm 2015 cho đến nay, do bà T quá xét nét, không tạo điều kiện cho bên mua hàng nên vợ chồng tôi không làm ăn mua bán với bà T và bà T cũng không qua gặp vợ chồng tôi để yêu cầu trả nợ hay xác nhận công nợ. Hiện nay vợ chồng ông Q và bà L không còn nợ tiền đối với bà T. Năm 2017 vợ chồng tôi chỉ làm ăn với bà Ngô Thị B1 chứ không làm ăn với bà T.

Nếu từ năm 2015, vợ chồng ông Q, bà L còn nợ tiền hàng bà T là đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì bà T phải làm đơn khởi kiện nhưng cho đến nay bà T mới làm đơn khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2005 và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Hoàng V, Ngô Thị B1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2025/KDTM-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 11, tỉnh Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 55, Điều 319 Luật thương mại năm 2005

Tuyên xử: Đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Về hậu quả của việc đình chỉ:

- Về quyền khởi kiện: nguyên đơn không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2025, nguyên đơn bà Lê Thị T kháng cáo yêu cầu sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc bà T đã có gặp vợ chồng ông Q, bà L đòi nợ đồng thời năm 2019 đến 2021 bắt đầu dịch C là điều kiện khách quan dẫn đến bà T không khởi kiện kịp thời nên đề nghị Tòa xét đơn kiện của bà T vẫn còn trong thời hiệu để xem xét về nội dung vụ án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 giữ nguyên bản án KDTMST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị T kháng cáo trong thời hạn luật định, bà T thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, nên là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt, người liên quan đã vắng mặt ở cấp sơ thẩm, căn cứ Điều 296 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T, HĐXX thấy rằng: Tại bút lục từ 101 đến 193, thể hiện trong năm 2015 nguyên đơn bà T đã nhiều lần bán đường phèn, đường tinh luyện, hạt dưa cho vợ chồng ông Q, bà L nhưng không thể hiện việc giá cả hàng hóa, số tiền hàng phải thanh toán cũng như xác nhận công nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc mua bán giữa bà T với ông Q và bà L chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không ký hợp đồng bằng văn bản, không thỏa thuận về số lượng hàng hóa, giá cả và thời hạn thanh toán tiền hàng. Nguyên đơn cho rằng sau khi giao hàng thì cho bị đơn nợ gói đầu, còn bị đơn cho rằng sau khi nhận hàng thì bị đơn trả tiền ngay, có khi 01 đến 02 ngày là trả tiền liền vì bà T không cho nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi giao nhận tiền hai bên không lập biên bản giao nhận tiền cũng như biên bản xác nhận công nợ. Do hai bên không có văn bản thỏa thuận thời hạn thanh toán cụ thể, nguyên đơn cho rằng từ ngày 21/01/2015 âm lịch (tức ngày 11/03/2015 dương lịch) đến ngày 23/12/2015 âm lịch (tức ngày 01/02/2016 dương lịch) ông Q và bà L đã trả được tổng cộng 15.130.000.000 đồng còn nợ lại 1.755.610.000 đồng. Ngoài lời trình bày nêu trên, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến thời gian xác nhận công nợ nên thời điểm quyền, lợi ích hợp pháp của bà T bị xâm phạm được xác định là ngày 02/02/2016 dương lịch. Ngày 12/4/2024, nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và các tài liệu chứng cứ kèm theo và Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên(nay là TAND KV11, tỉnh Đắk Lắk) nhận đơn khởi kiện vào ngày 12/4/2024. Theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2005: *“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm,...”* bà T khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện (quá 02 năm) nhưng không cung cấp được lý do

khách quan quá thời hiệu khởi kiện.

[3] Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết, cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ, trường hợp này HĐXX sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự mới đúng quy định, tuy nhiên để ổn định bản án cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong công tác xét xử, giải quyết án. Về hậu quả của việc đình chỉ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp. Tại phiên toà phúc thẩm bà T và những người đại diện uỷ quyền của bà T không cung cấp tài liệu gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T, chấp nhận ý kiến của KSV tại phiên toà giữ nguyên bản án KDTMST là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2025/KDTM-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 11, tỉnh Đắk Lắk).

Căn cứ Khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 319 Luật thương mại năm 2005

Tuyên xử: Đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Về hậu quả của việc đình chỉ:

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm.

- Về quyền khởi kiện: nguyên đơn không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
Các đương sự;

- **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 11 – tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 11 –tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Ngọc Hà

